

MỤC LỤC

	Trang
Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: LỊCH SỬ LẬP PHÁP VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY	6
1.1. Lịch sử lập pháp của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng từ năm 1945 đến năm 1975	6
1.2. Lịch sử lập pháp của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng từ năm 1975 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985	11
1.3. Lịch sử lập pháp của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng từ năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999	16
Chương 2: TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI PHẠM NÀY Ở NƯỚC TA HIỆN NAY	20
2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	20
2.1.1. Khái niệm của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	20
2.1.2. Đặc điểm pháp lý của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	24
2.2. Phân biệt tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng với một số tội phạm khác	64

2.2.1. Phân biệt tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) với tội Vi phạm các quy định về quản lý rừng (Điều 176)	64
2.2.2. Phân biệt tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) với tội Hủy hoại rừng (Điều 189)	66
2.2.3. Phân biệt tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) với tội Vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 191)	68
2.3. Tình hình tội phạm của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội phạm này ở nước ta từ năm 2005 đến nay	70
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG	77
3.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả phòng chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	77
3.1.1. Cơ sở lý luận của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả phòng chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	77
3.1.2. Cơ sở thực tiễn của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả phòng chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng	81
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay	84
3.2.1. Giải pháp về hoàn thiện pháp luật	84
3.2.2. Giải pháp về tổ chức quản lý	94
3.2.3. Giải pháp về kinh tế - xã hội	98
3.2.4. Giải pháp về văn hóa - giáo dục	102
KẾT LUẬN	105
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	107

MỞ ĐẦU

1. Lời nói đầu

Rừng là một trong những nơi đầu tiên con người kiếm sống đề tồn tại. Trong lịch sử hình thành và phát triển, con người luôn biết dựa vào rừng, tác động và khai thác rừng để duy trì sự sống. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác rừng, chính con người do cố ý hoặc vô ý đã làm cho rừng bị cạn kiệt. Đất nước ta có điều kiện địa lý đặc thù là quốc gia vùng nhiệt đới nên được thiên nhiên ưu đãi nguồn tài nguyên vô cùng quý giá này. Đối với nước ta, rừng không chỉ có ý nghĩa về môi trường sinh thái mà còn có ý nghĩa quan trọng trong an ninh - quốc phòng. Trong gần một thế kỷ qua, rừng Việt Nam bị suy thoái nặng nề. Những tác động của quá trình phát triển, những ảnh hưởng của chiến tranh, của chất độc màu da cam đã khiến diện tích rừng của Việt Nam chỉ còn khoảng 43% diện tích đất tự nhiên. Và chúng ta đang phải đứng trước một thực trạng báo động đó là diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp nhanh chóng. Tốc độ khai thác rừng cao hơn gấp nhiều lần so với tốc độ tái tạo rừng. Điều này dẫn đến con người phải đối mặt với những hiện tượng thiên nhiên xảy ra thường xuyên trong những năm gần đây như bão lũ, triều cường, khô hạn..., gây hậu quả nghiêm trọng đến đời sống xã hội.

Tình trạng khai thác, chặt, phá, đốt rừng bừa bãi, nạn “*lâm tặc*”; khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép, nạn “*khai thác thô phi*”; săn bắt động vật hoang dã, quý hiếm đang diễn ra ở nhiều địa phương trên toàn quốc; một số loài động vật hoang dã, quý hiếm đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoặc mất môi trường sống; tài nguyên đang cạn kiệt, nạn chặt phá rừng ở nước ta đang diễn ra bức xúc. Theo Cục Kiểm lâm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến hết tháng 12/2008, số vụ phá rừng trái phép tăng 14% so với cùng kỳ năm trước,

gây thiệt hại 3.172,11 ha rừng, tăng gấp 02 lần so với mức 1.585,74 ha năm 2007. Những thảm họa này có thể hạn chế, khắc phục được nếu không có những hành vi sai phạm của con người.

Mặc dù, trong các quy định pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng cho thấy, các nhà làm luật đã nhận thức được tính nguy hiểm của loại tội phạm này, xác định phải tăng cường đấu tranh phòng chống loại tội này nhưng những quy định của luật về tội phạm này chưa cụ thể, rõ ràng, còn nhiều vướng mắc khi áp dụng trong thực tiễn, nhất là giai đoạn truy tố, xét xử. Điều đó tạo ra tính thiếu thống nhất, làm cho việc áp dụng pháp luật đạt hiệu quả không cao. Đây là vấn đề cần thiết phải nghiên cứu và tháo gỡ triệt để. Làm thế nào để đấu tranh phòng chống có hiệu quả đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng? Thiết nghĩ cần phải có sự nghiên cứu một cách nghiêm túc, có hệ thống về mặt lý luận đồng thời bám sát thực tiễn để tìm hiểu về thực trạng, nguyên nhân, điều kiện của việc vi phạm, từ đó có những giải pháp cụ thể có tính khả thi nhằm đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này có hiệu quả. Với những lý do đó, tôi đã lựa chọn đề tài “***Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong Luật Hình sự Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn***” để nghiên cứu trong luận văn thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng được quy định tại Điều 175 BLHS năm 1999 là loại quy phạm viện dẫn. Vì vậy, bên cạnh quy định trong BLHS, khi áp dụng loại tội phạm này còn được xem xét những quy định trong Luật Hành chính, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng...

Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đã được nghiên cứu với tư cách là đề tài của các khóa luận tốt nghiệp cử nhân

luật học, thạc sỹ luật học hoặc rải rác trên một số Tạp chí khoa học pháp lý chuyên ngành.

Trong lĩnh vực nghiên cứu, tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng được đề cập trong: Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Đại học Luật Hà Nội); Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội); Bình luận khoa học BLHS năm 1985 (Viện nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp); Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận khoa học BLHS Phần các tội phạm...*

Đây là loại tội phạm gây hậu quả lâu dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của con người, tuy nhiên, chưa có sự nghiên cứu mang tính hệ thống đối với việc phòng, chống loại tội phạm này, về thực trạng, về những vướng mắc bất cập trong áp dụng pháp luật khi xử lý. Những nghiên cứu nếu có cũng chỉ là việc nghiên cứu riêng lẻ, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như: giá trị tài nguyên rừng, vai trò của rừng đối với môi trường sinh thái hoặc những vi phạm cụ thể trong quản lý hành chính, những vụ việc cụ thể khi bị đưa ra truy tố, xét xử. Vì vậy, cần phải có sự nghiên cứu một cách nghiêm túc, có hệ thống, bám sát thực tiễn để tìm hiểu về thực trạng của việc vi phạm để từ đó có những giải pháp cụ thể mang tính khả thi.

3. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung nghiên cứu về một tội danh cụ thể:

- Nghiên cứu lịch sử lập pháp về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong pháp luật hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

- Phân biệt Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng với một số tội phạm khác.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với phạm vi nghiên cứu nêu trên trong luận văn này, tác giả tập trung giải quyết những nhiệm vụ chính sau đây:

- Nghiên cứu và phân tích lịch sử lập pháp về Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

- Phân tích và làm rõ khái niệm, dấu hiệu pháp lý của Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác trong BLHS (176, 189, 191) nhằm áp dụng đúng đắn điều luật trong thực tiễn xét xử.

- Khẳng định được mức độ nguy hiểm của tội phạm để có cách nhìn đúng đắn về tình hình VPPL về khai thác và bảo vệ rừng cũng như đánh giá đầy đủ những yếu tố làm cho tình hình tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đang diễn biến ngày càng phức tạp với hậu quả gây ra cho xã hội ngày càng lớn qua đó nhằm đưa ra một số giải pháp khả thi, góp phần đấu tranh phòng, chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng một cách có hiệu quả.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật cũng như đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tác giả còn sử dụng đồng bộ các phương pháp nghiên cứu truyền thống như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh...

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn

- Nghiên cứu một cách hệ thống lịch sử lập pháp về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

- Phân tích một cách sâu sắc khái niệm và những dấu hiệu pháp lý tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, đồng thời phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác có dấu hiệu pháp lý tương tự.

- Khái quát tình hình tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng và thực tiễn xét xử tội phạm này trong 5 năm qua (2005-2009).

- Đề xuất một số giải pháp nhằm đấu tranh phòng, chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng một cách có hiệu quả.

- Nội dung của luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo cho các nhà nghiên cứu khoa học luật hình sự, các nhà lập pháp, cho các học viên, các sinh viên đang theo học tại các cơ sở đào tạo luật cũng như tất cả những ai quan tâm đến vấn đề này.

7. Bố cục của Luận văn

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn bao gồm 3 chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Lịch sử lập pháp về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong pháp luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

Chương 2: Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999 và thực tiễn xét xử tội phạm này ở nước ta hiện nay.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật hình sự về Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

Chương 1

LỊCH SỬ LẬP PHÁP VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1.1. Lịch sử lập pháp của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng từ năm 1945 đến năm 1975

Năm 1945, sau khi giành được độc lập, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa thành lập, chính quyền cách mạng non trẻ đứng trước nhiều công việc cấp bách cần phải làm để khôi phục kinh tế, ổn định cuộc sống nhân dân. Những QHXXH liên quan đến việc quản lý bảo vệ rừng được nhà nước ta chú trọng điều chỉnh trong giai đoạn này. Thông tư số 1303 BCN ngày 28/06/1946 của Liên bộ Nội vụ - Công nghiệp đã quy định điều chỉnh những hành vi xâm hại đến rừng. Dù chỉ mang tính sơ khai nhưng Thông tư 1303/BCN đã điều chỉnh nhiều loại hành vi. Trong công cuộc kháng chiến, rừng càng tỏ rõ vai trò quan trọng của nó đối với an ninh quốc phòng. Vì vậy, ngày 08/7/1952 Thủ tướng Chính phủ đã ra Nghị định số 181/TTg nghiêm cấm đốt phá rừng để bảo vệ đường giao thông, trong đó quy định rõ *“cấm không được đốt phá rừng trên những sườn núi ở sát cạnh đường”*. Ngay sau khi hoàn thành cuộc kháng chiến chống Pháp, ngày 03/10/1955 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 596-TTg ban hành việc vi phạm điều lệ, Điều 13, điểm c quy định: *“những vụ phạm pháp có tính chất phá hoại sẽ do Tòa án xét xử theo hình luật”*.

Giai đoạn từ năm 1955 - 1958, nhiều văn bản có liên quan đến rừng đã được ban hành và cao nhất, việc quy định rừng là tài sản của Nhà nước đã được quy định cụ thể trong Hiến pháp năm 1959.

Giai đoạn này, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai. Hệ thống pháp luật kiểu mới của chúng ta đang trong quá trình tiền xây dựng. Nhà nước đã bước đầu ban hành một số văn bản pháp luật quan trọng để điều chỉnh việc quản lý hoạt động khai thác lâm sản và bảo vệ rừng. Đáng chú ý là các văn bản: Quyết định 72/TTg ngày 07/7/1962 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Khu rừng quốc gia

Cúc Phương. Đây là khu bảo tồn thiên nhiên đầu tiên được Nhà nước công nhận. Tiếp đó, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 39/CP ngày 05/4/1963 ban hành Điều lệ tạm thời về săn, bắt chim, thú rừng.

Ngày 06/9/1972, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh quy định việc bảo vệ rừng. Đây là văn bản có tính pháp lý cao đầu tiên được ban hành trực tiếp quy định về việc quản lý, bảo vệ rừng và khai thác, sử dụng các nguồn lợi từ rừng ở Việt Nam.

1.2. Lịch sử lập pháp của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng từ năm 1975 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1985

Sau ngày đất nước thống nhất, chúng ta bắt tay vào việc tập trung xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Lúc này, việc xây dựng một hệ thống luật pháp xã hội chủ nghĩa thống nhất, hoàn chỉnh và phù hợp là một nhiệm vụ có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Lĩnh vực pháp luật về bảo vệ rừng đã được Nhà nước ban hành nhiều văn bản pháp luật có ý nghĩa. Đáng chú ý nhất là Thông tư số 3984-LN/KL ngày 15/10/1977 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn việc xử phạt hành chính đối với các vi phạm luật lệ và bảo vệ rừng. Trong toàn bộ nội dung của Thông tư 3984-LN/KL, phần thứ III là phần được xây dựng chi tiết, nêu cụ thể nhóm hành vi và định lượng tương ứng cùng mức hình phạt.

Nhìn chung, việc điều chỉnh những QHXX trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng bằng luật hình sự giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi có BLHS năm 1985 có những đặc điểm sau:

Việc xử lý hành vi vi phạm không được quy định trong một điều luật độc lập mà việc xử lý thường viện dẫn các tội danh khác trên cơ sở xác định mục đích là yếu tố quan trọng để xác định tội danh.

Giai đoạn trước năm 1975, việc quy định và xử lý bằng hình sự đối với những hành vi vi phạm thuộc loại tội này nhằm mục đích chính là phục vụ công cuộc kháng chiến và chính do những điều kiện khách quan nên trong thực tiễn ít áp dụng luật hình sự để xử lý đối với hành vi vi phạm thuộc loại tội này. Những quy định của luật hình sự điều chỉnh loại tội này còn ít, chưa điều chỉnh nhiều loại hành vi vi phạm.

1.3. Lịch sử lập pháp của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng từ năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật Hình sự năm 1999

Trong giai đoạn này, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để điều chỉnh việc khai thác, kiểm soát lâm sản và xử lý vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Chỉ thị số 34/CNR ngày 28/12/1985 của Bộ Lâm nghiệp về chấn chỉnh việc khai thác, cung cấp gỗ; Thông tư số 02 - TT/LB ngày 13/01/1986 của Liên Bộ Lâm nghiệp - Bộ Nội vụ về công tác bảo vệ rừng và quản lý vật tư lâm sản; Thông tư số 23 TT/LB ngày 21/10/1986 của Liên bộ Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Lâm nghiệp về mối quan hệ phối hợp giữa hai ngành Kiểm soát và Lâm nghiệp trong việc phòng, chống các vi phạm, tội phạm về quản lý và bảo vệ rừng.

Đặc biệt, trong giai đoạn này, BLHS ra đời năm 1985 là một bước tiến lớn trong công tác lập pháp của Nhà nước ta. Những tội xâm phạm đến rừng được quy định theo nhiều tội danh cụ thể trong BLHS năm 1985. Điều 181 trực tiếp điều chỉnh nhiều loại hành vi, từ khai thác trái phép đến vi phạm các quy định về quản lý rừng hay săn bắt trái phép động vật hoang dã v.v...

Như vậy, lần đầu tiên trong BLHS, hành vi khai thác trái phép cây rừng và vi phạm các quy định về bảo vệ rừng đã được điều chỉnh bằng một điều luật cụ thể.

Tiếp sau việc quy định tội phạm trong luật hình sự, sau năm 1985, nhiều văn bản luật quan trọng điều chỉnh các quan hệ trong lĩnh vực bảo vệ rừng đã được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ nguồn tài nguyên này. Luật Bảo vệ và Phát triển rừng với 19 chương, 54 điều được ban hành vào ngày 19/8/1991 là cơ sở quan trọng để tạo ra khung pháp lý nhằm cụ thể hóa việc điều chỉnh các QHXXH trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, hai văn bản khác đóng vai trò rất quan trọng trong việc ngăn chặn nạn phá rừng, cụ thể hóa các hành vi, định lượng để xử lý có phân

biệt giữa xử phạt hành chính và truy cứu TNHS trong giai đoạn này. Đó là Chỉ thị số 90/CT ngày 19/3/1992 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng về thực hiện những biện pháp cấp bách để chặn đứng nạn phá rừng và Nghị định số 14/CP ngày 05/12/1992 của Chính phủ ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng.

Chương 2

TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TỘI PHẠM NÀY Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

2.1.1. Khái niệm của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

Bảo vệ rừng được nhận thức từ rất lâu trên thế giới, song vấn đề này được tập trung giải quyết cả ở tầm quốc gia và quốc tế chủ yếu nửa sau thế kỷ XX. Những hậu quả nghiêm trọng của việc tàn phá rừng ảnh hưởng nghiêm trọng đến tự nhiên, xã hội và con người, đặc biệt phải kể đến là nạn lũ lụt, xói mòn đất,... việc đấu tranh với những hành vi tàn phá rừng chưa thu được hiệu quả cao, cùng với tính chất nguy hiểm cho xã hội, đặt ra cơ chế bảo vệ rừng có hiệu quả hơn.

Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng được xếp trong Chương XVI - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Để tìm hiểu khái niệm tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng ta cần hiểu rõ khái niệm *trật tự quản lý kinh tế* và *các tội xâm phạm trật tự kinh tế*. Theo Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (phần 2), Trường Đại học Luật Hà Nội: *Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại nền kinh tế quốc*

dân, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân qua việc vi phạm quy định của Nhà nước trong quản lý kinh tế.

Được tách từ tội Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng tại Điều 181 BLHS năm 1985, do nhu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, tội Vi phạm các quy định và khai thác rừng tuy vẫn cấu tạo thành hai khung hình phạt nhưng các tình tiết là yếu tố định tội và yếu tố định khung hình phạt có nhiều thay đổi; quy định tình tiết làm ranh giới phân biệt giữa hành vi vi phạm với hành vi phạm tội; quy định cụ thể các hành vi vi phạm về khai thác và bảo vệ rừng; hình phạt bổ sung được quy định ngay cùng một điều luật.

Chưa có một định nghĩa chính thức về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng trong các giáo trình chính thống, tuy nhiên, có thể đưa ra khái niệm Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng dựa trên quan điểm của PGS.TSKH Lê Cẩm: tội phạm phải thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu bao gồm ba bình diện với năm đặc điểm (dấu hiệu) của nó là: a) bình diện khách quan: tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; b) bình diện pháp lý: tội phạm là hành vi trái pháp luật hình sự; c) bình diện chủ quan: tội phạm là hành vi do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố lỗi.

Từ đó, có thể đưa ra khái niệm tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng như sau: *Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật hình sự của người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự xâm hại đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, vận chuyển, buôn bán gỗ.*

2.1.2. Đặc điểm pháp lý của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

2.1.2.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng chính là các quan hệ xã hội bảo đảm cho sự ổn định và phát

triển của nền kinh tế quốc dân. Hành vi phạm tội đã xâm hại đến các quan hệ này thông qua việc vi phạm các quy định của Nhà nước trong quản lý kinh tế và qua đó gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. Khách thể trực tiếp của tội phạm đó là sự xâm phạm các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng.

2.1.2.2. Mặt khách quan của tội phạm

Đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, khi nghiên cứu mặt khách quan của tội phạm cũng tập trung ở hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Theo Điều 175 BLHS năm 1999, dấu hiệu về hành vi khách quan không được mô tả một cách cụ thể, Điều luật chỉ xác định đích danh 03 loại hành vi là:

- Khai thác trái phép cây rừng;
- Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép;
- Vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng.

Các hành vi nêu trên nếu thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 về tội hủy hoại rừng, Điều 153 về tội buôn lậu và Điều 154 về tội vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội phạm tương ứng quy định ở các điều luật đó mà không thuộc trường hợp phạm tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng.

2.1.2.3. Mặt chủ quan của tội phạm

Đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, người thực hiện hành vi gây thiệt hại được xem là có lỗi nếu hành vi mà họ thực hiện là kết quả của sự tự lựa chọn trong khi họ có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn và thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội.

Đối với hành vi khai thác, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép, lỗi của người có hành vi phạm tội luôn được xác định là lỗi cố ý trực tiếp.

Đối với nhóm hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ rừng, lỗi của người có hành vi vi phạm được xác định có thể là lỗi cố ý hoặc vô ý. Điều 1 Nghị định số 159/2007/NĐ-CP quy định về phạm vi và đối tượng áp dụng nêu rõ: cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây còn gọi là người vi phạm) có hành vi vô ý hoặc cố ý vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản chưa gây thiệt hại hoặc đã gây thiệt hại đến rừng, lâm sản, môi trường rừng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Hành vi vi phạm mà mức độ gây thiệt hại vượt quá mức tối đa thuộc phạm vi xử phạt vi phạm hành chính thì sẽ chuyển sang truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy, trong cấu thành cơ bản của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng dấu hiệu lỗi được xác định là có thể là lỗi cố ý hoặc vô ý.

Đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng động cơ cũng là một yếu tố quan trọng khi xem xét định tội. Người phạm tội có động cơ vật chất vụ lợi vì lợi ích kinh tế thúc đẩy họ phạm tội, khi xem xét động cơ phạm tội cần phải xem xét đến mục đích họ phạm tội.

2.1.2.4. Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm này không đòi hỏi dấu hiệu chủ thể đặc biệt. Đó là tất cả những người khi thực hiện hành vi nguy hiểm có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi đó.

Ở khung 1, đây là tội ít nghiêm trọng do điều luật quy định người phạm tội bị phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm. Như vậy, theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 1999, người dưới 16 tuổi sẽ không bị truy cứu TNHS nếu tội phạm mà họ thực hiện chỉ thuộc cấu thành tại khoản 1 Điều 175 BLHS năm 1999.

Ở tội danh này, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi sẽ phải chịu TNHS nếu hành vi phạm tội của họ thuộc trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 175 BLHS năm 1999 (với lỗi cố ý).

** Vấn đề đồng phạm*

Trong tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, thông thường các vụ án được đưa ra xét xử theo tội danh vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng luôn có đồng phạm, ít có trường hợp phạm tội riêng lẻ, nhất là đối với hành vi khai thác rừng trái phép. Đối với loại tội phạm này đó là hình thức đồng phạm giản đơn, là hình thức đồng phạm mà trên thực tế xảy ra phổ biến nhất.

2.1.2.5. Đường lối xử lý

** Khung cơ bản*

Khoản 1 Điều 175 BLHS năm 1999 quy định: “*Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.*

a. Khai thác trái phép cây rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của bộ luật này.

b. Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật này”.

** Khung tăng nặng*

Khung 2 Điều 175 BLHS năm 1999 quy định: “*Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm*”

** Hình phạt bổ sung*

Gồm 1 hình phạt bổ sung duy nhất là hình phạt tiền nếu nó không được dùng làm hình phạt chính.

Mức phạt tiền là từ 5 triệu đến 20 triệu đồng. Người phải chịu hình phạt bổ sung là chủ thể bình thường theo quy định của pháp luật, ngoại trừ người dưới 16 tuổi.

2.2. Phân biệt tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng với một số tội phạm khác

2.2.1. Phân biệt tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) với tội Vi phạm các quy định về quản lý rừng (Điều 176)

Tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) và Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng cùng giống nhau là tội phạm đều xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về kinh tế gây thiệt hại cho Nhà nước. Tuy nhiên, đối tượng tác động của hai tội này là khác nhau, ở Điều 175 đối tượng tác động chính là rừng và các sản phẩm của rừng như gỗ và các lâm thổ sản khác còn ở Điều 176, đó chính là những chính sách, những quy định về quản lý kinh tế trong quản lý rừng. Do vậy, về mặt khách quan giữa hai tội có sự khác nhau chủ yếu giữa một bên (Điều 175) là trực tiếp hành động hoặc không hành động tác động trực tiếp đến rừng và một bên (Điều 176) là hành động hoặc không hành động tạo ra các quyết định hành chính cho phép người khác thực hiện.

2.2.2. Phân biệt tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) với tội Hủy hoại rừng (Điều 189)

Giữa Điều 175 và Điều 189 có nhiều điểm rất giống nhau: về đối tượng tác động, người phạm tội cũng có những hành vi phạm tội tác động trực tiếp đến rừng và các yếu tố có liên quan đến rừng. Tuy nhiên, cũng có những dấu hiệu mà chúng ta phải đặc biệt chú ý để từ đó xác định chính xác tội danh. *Về khách thể bị xâm hại*, ở Điều 175 BLHS năm 1999 đó chính là những quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế còn ở Điều 189 BLHS năm 1999 là những quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường. *Về mục đích của người phạm tội*, khi thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, điều họ nhận thức được đó là việc làm của họ gây hủy hoại cho môi trường sinh thái, họ mong muốn hoặc chấp nhận để hậu quả này xảy ra. Do vậy, ngoài động cơ vụ lợi vì mục đích kinh tế như người có hành vi vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, tội Hủy hoại rừng có thể được thực hiện với những động cơ, mục đích khác nhau.

2.2.3. Phân biệt tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng (Điều 175) với tội Vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 191)

Đây là hai tội được xếp vào các chương khác nhau, tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng được xếp trong chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, còn tội Vi phạm các chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên xếp trong chương các tội phạm về môi trường. Vì vậy, có thể thấy ngay, khách thể xâm hại của hai tội danh này là khác nhau.

Động cơ, mục đích phạm tội rất đa dạng nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong CTTTP của Điều 191 BLHS năm 1999, trong khi đó động cơ, mục đích của tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng lại là một yếu tố quan trọng trong định tội đó là động cơ vụ lợi vì mục đích kinh tế.

2.3. Tình hình tội phạm của Tội vi phạm các quy định về khai thác bảo vệ rừng và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội phạm này ở nước ta từ năm 2005 đến nay

Từ năm 1991 đến nay (sau khi Luật Bảo vệ và Phát triển rừng được ban hành), hoạt động bảo vệ rừng và thực thi pháp luật lâm nghiệp có chuyển biến tích cực, diện tích rừng ngày càng được phục hồi, Việt Nam trở thành quốc gia duy nhất trong khu vực có diện tích rừng ngày càng tăng. Diện tích rừng tăng lên do khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên và trồng mới những năm qua luôn cao hơn diện tích rừng bị giảm do những nguyên nhân hợp pháp và bất hợp pháp. Thống kê về diện tích rừng trên đây cho thấy độ che phủ rừng toàn quốc 5 năm qua (2005 - 2009) tăng bình quân gần 0,5% mỗi năm.

Năm 2007, cả nước đã phát hiện 39.320 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng (tăng 3.475 vụ so với năm 2006), trong đó 956 vụ vi phạm về phòng cháy, chữa cháy rừng; 3.565 vụ phá rừng trái phép; 2.357 vụ phá rừng làm nương rẫy trái phép; 1.231 vụ vi phạm về quản

lý bảo vệ động vật hoang dã; 20.274 vụ vận chuyển, buôn bán trái phép gỗ và lâm sản; 1.250 vụ vi phạm về chế biến gỗ và lâm sản khác. Lực lượng kiểm lâm đã xử lý 32.785 vụ, trong đó xử lý hành chính 32.459 vụ; khởi tố hình sự 346 vụ với 343 bị can (đã xét xử 41 vụ, 51 bị cáo). Tịch thu 453 ô tô, máy kéo; 435 xe trâu bò kéo; 3.307 xe máy; 39 tàu, thuyền; 17.675,7m³ gỗ tròn; 19.831,69m³ gỗ xẻ; 66.086,28kg động vật rừng. Tổng thu trên 234,33 tỷ đồng, nộp ngân sách trên 193,6 tỷ đồng. Đáng chú ý, năm 2007 còn xảy ra 26 vụ chống người thi hành công vụ làm chết 1 người và bị thương 29 người [9].

Năm 2008 cả nước đã phát hiện 42.246 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng (tăng 2.926 vụ so với năm 2007), trong đó xảy ra 452 vụ vi phạm về phòng cháy, chữa cháy rừng; 6.847 vụ phá rừng trái phép (trong đó có 5.414 vụ phá rừng làm nương rẫy trái phép); 4.544 vụ vi phạm về khai thác gỗ và lâm sản khác; 1.398 vụ vi phạm về quản lý bảo vệ động vật hoang dã; 20.133 vụ vận chuyển, buôn bán trái phép gỗ và lâm sản; 1.911 vụ vi phạm quy định về chế biến gỗ và lâm sản khác; 6.705 vụ vi phạm khác. Lực lượng kiểm lâm đã xử lý 36.294 vụ, trong đó xử phạt hành chính 36.013 vụ; khởi tố hình sự 281 vụ với 227 bị can (đã xét xử 20 vụ, 19 bị cáo). Tịch thu 466 ô tô, máy kéo; 276 xe trâu bò kéo; 2.155 xe máy; 73 ghe, thuyền, tàu; 23.299m³ gỗ tròn; 22.476m³ gỗ xẻ; 90.836 kg động vật rừng. Tổng thu trên 206.561 triệu đồng, nộp ngân sách hơn 171.473 triệu đồng

Tình trạng phá rừng gia tăng nghiêm trọng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ riêng 03 tháng đầu năm 2009 đã có 489ha rừng bị tàn phá, tăng 77% so với cùng kỳ năm 2008. Như vậy là trung bình mỗi ngày cả nước có 5,5ha rừng bị tàn phá. Diện tích rừng bị tàn phá gia tăng theo thời gian, với quy mô lớn, số lượng cây rừng bị khai thác trái phép ngày càng nhiều là hiện hữu nhưng không phải lúc nào các vụ phạm pháp cũng được đưa ra truy tố, xét xử. Do vậy, từ thực tiễn giữa những hành vi vi phạm pháp luật

so với những hành vi bị đưa ra truy tố xét xử và giữa những thiệt hại hiện hữu so với những thiệt hại tính được, xác định có người bồi thường trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng còn có một khoảng cách quá xa.

Tỷ lệ % số vụ việc cũng như số người có hành vi vi phạm được đưa ra xét xử so với số vụ, số người, khối lượng gỗ bị khai thác trái phép bị thu giữ còn chiếm một tỷ lệ quá nhỏ. Nguyên nhân dẫn đến vấn đề này? Việc không đưa ra truy tố xét xử tất cả những vụ việc vi phạm phụ thuộc rất nhiều nguyên nhân khác nhau. Đó có thể do luật pháp còn kẽ hở, người phạm tội biết lợi dụng chia nhỏ khối lượng gỗ hoặc lâm sản để tránh không đủ định lượng khối bị truy cứu TNHS. Người phạm tội cũng có thể tẩu tán hoặc chấp nhận không giữ tài sản phạm pháp khi bị phát hiện. Đó cũng có thể là tiêu cực, thiếu kiên quyết trong xử lý... Tuy nhiên, dù bất cứ lý do nào thì số lượng lâm sản thu giữ được vẫn là con số thật và tương ứng với nó là những thiệt hại gây ra cho rừng. Nếu chỉ căn cứ vào số liệu thống kê xét xử, sẽ thấy số lượng gỗ bị khai thác giảm, số vụ phạm tội giảm, tuy nhiên, đó không phải là số liệu tuyệt đối mà chỉ là phần nổi của thực trạng.

Đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, khi xem xét thực tiễn xét xử chúng ta cũng phải cần đề cập đến đó là tội phạm ẩn. Điều này có nghĩa, có nhiều vụ vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng xảy ra, có thể xác định được thiệt hại nhưng không xác định được người gây ra thiệt hại đó. Với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng, tội phạm ẩn là dạng thường xuyên gặp. Do đặc thù về điều kiện địa lý, lực lượng quản lý kiểm tra rừng còn mỏng không thể giám sát hết được, do lợi dụng sự thông thuộc về địa hình v.v... Do vậy, người phạm tội có thể lẩn trốn để phạm tội trót lọt trong một thời gian dài mà không bị phát hiện.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ RỪNG

3.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả phòng chống Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

3.1.1. Cơ sở lý luận của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả phòng chống Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

Việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả phòng chống Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng dựa trên các cơ sở sau: Áp

lực về dân số ở các vùng có rừng tăng nhanh do tăng cơ học, di cư tự do từ nơi khác, đòi hỏi cao về đất ở và đất canh tác, những đối tượng này chủ yếu là những hộ nghèo, đời sống gặp nhiều khó khăn, sinh kế chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên rừng; nhận thức về bảo vệ rừng còn hạn chế, do đó vẫn tiếp tục phát rừng kiếm kế sinh nhai, lấy đất canh tác hoặc làm thuê cho đầu nậu, kẻ có tiền để phá rừng hoặc khai thác gỗ, lâm sản trái phép; công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và cơ chế chính sách về lâm nghiệp chưa được thực hiện có hiệu quả; các ngành, các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp xã nhận thức chưa đầy đủ, tổ chức thực hiện thiếu nghiêm túc trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp; cơ chế chính sách chậm đổi mới chưa tạo động lực thu hút các nguồn lực cho bảo vệ rừng; lực lượng kiểm lâm mỏng, địa vị pháp lý chưa rõ ràng, trang thiết bị, phương tiện thiếu thốn, lạc hậu...

3.1.2. Cơ sở thực tiễn của việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả phòng chống Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

Qua việc xem xét các cứ liệu nêu trên có thể thấy rằng, rừng hiện nay vẫn đang bị tiếp tục xâm hại, các loại động thực vật rừng quý hiếm đang bị khai thác ngày càng cạn kiệt, gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác như mất cân bằng sinh thái, gia tăng các hiện tượng thiên tai. Điều này làm cho đời sống xã hội bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Trong khi đó thì những biện pháp đấu tranh ngăn chặn loại tội phạm này chưa mang lại hiệu quả mong muốn, người phạm tội ngày càng liều lĩnh, dùng thủ đoạn tinh vi hơn, gây thiệt hại nghiêm trọng đến rừng.

Quy định pháp luật chưa rõ ràng, xử lý vi phạm pháp luật chưa nghiêm nên đã tạo kẽ hở cho kẻ phạm tội lẩn trốn và người áp dụng pháp luật có thể nảy sinh tiêu cực, xử lý không nghiêm. Một trong những kẽ hở dễ phát sinh tiêu cực là khoảng cách giữa mức tối thiểu và mức tối đa để xử phạt hành chính là quá lớn. Việc bắt quả tang,

định lượng, xử lý hoàn toàn tùy thuộc vào tình thần trách nhiệm và thái độ của cá nhân.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay

3.2.1. Giải pháp về hoàn thiện pháp luật

3.2.1.1. Hoàn thiện những quy định của pháp luật về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm nhưng việc quy định như luật hiện hành là chưa phù hợp, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn trong việc đấu tranh phòng chống loại tội này. Những bất cập về thẩm quyền, về thủ tục xử phạt hành chính làm ảnh hưởng đến hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng.

Về khung hình phạt: Việc quy định khung hình phạt quá rộng dẫn đến Tòa án các cấp khi xét xử vận dụng khung hình phạt thiếu khách quan, thiếu công bằng, nảy sinh việc tùy tiện áp dụng khung hình phạt. Cần quy định khoảng cách khung hình phạt hẹp hơn, nên cách nhau từ 03 năm đến 05 năm thì phù hợp hơn.

Không nên quy định tình tiết “*đã bị xử phạt hành chính*” là yếu tố bắt buộc trong điều luật để khởi tố vụ án hình sự bởi nếu sau một năm, cá nhân, tổ chức đã bị xử lý vi phạm hành chính tiếp tục vi phạm thì vẫn không xử lý hình sự được (vì Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã hết thời hạn) do quy định tại Khoản 1, Điều 11 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 quy định thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính: “*cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu qua một năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thì hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính*”..

Về chế tài xử lý: Chế tài đối với các hành vi phạm tội liên quan đến hành vi vi phạm các quy định và khai thác và bảo vệ rừng được

quy định gồm 3 hình thức: phạt tiền, cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn. Nhưng mức phạt tiền được quy định trong BLHS năm 1999 còn nhẹ và không phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống các tội phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng trước nguy cơ bị tàn phá nặng nề.

3.2.1.2. Tăng cường hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc thực thi pháp luật

Tăng cường cơ sở vật chất cho lực lượng Kiểm lâm: Lực lượng Kiểm lâm là lực lượng trực tiếp bảo vệ rừng. Nhưng có thể thấy, trên cả nước lực lượng Kiểm lâm hiện đang thực hiện nhiệm vụ của mình trong tình trạng thiếu nhân lực và trang thiết bị chuyên dụng. Do vậy, nhất thiết phải đầu tư và chi phí đầu tư cho việc bảo vệ, ngăn chặn bao giờ cũng rẻ hơn, hiệu quả hơn so với chi phí khắc phục hậu quả.

Cần có một cơ quan giám định chuyên môn để xác định giá trị thiệt hại khi có hành vi vi phạm xảy ra: Thực tế khi điều tra tội này thường gặp khó khăn trong công tác giám định để xác định giá trị thiệt hại; trong Bộ luật còn quy định chung chung, chưa cụ thể, chưa có cơ quan giám định chuyên môn; trong điều tra việc áp dụng luật để xử lý tội phạm cần phải có một số văn bản hướng dẫn cụ thể hơn.

3.2.2. Giải pháp về tổ chức quản lý

Sự phối hợp liên ngành giữa Kiểm lâm, Công an và Quân đội trong công tác bảo vệ rừng theo Thông tư liên tịch số 144/TTLT-BNN-BCA-BQP đôi lúc chưa thường xuyên, liên tục và chưa thật hiệu quả, kiểm lâm mỏng, yếu về nghiệp vụ, chính quyền các cấp thiếu sự kiểm tra, đôn đốc thường xuyên nên việc xử lý vi phạm còn chậm, do không bắt được những ông “trùm” đứng đằng sau xúi giục phá rừng. Vì vậy, cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Thiết lập cơ chế, tổ chức quản lý rừng và đất lâm nghiệp theo ngành và liên ngành hợp lý để quản lý, bảo vệ rừng có hiệu quả.

3.2.3. Giải pháp về kinh tế - xã hội

Thứ nhất, ổn định cuộc sống của người dân có vùng rừng: Phải chú trọng đầu tiên vấn đề định canh định cư, xóa bỏ tình trạng du canh, du cư cùng phương thức sản xuất lạc hậu chọc tía, đốt rừng làm nương rẫy, phải đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho những vùng định cư mới. Các yếu tố như điện, đường, trường, trạm, thủy lợi phải được xây dựng để ổn định và phát triển cuộc sống của người dân.

Thứ hai, có chính sách phát triển kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương nơi có rừng: xác định chính sách phát triển kinh tế phù hợp, biết khai thác các thế mạnh của địa phương sẽ là yếu tố quan trọng để giữ vững sự ổn định. Cần xác định thế mạnh của các địa phương có rừng để áp dụng kế hoạch sản xuất phù hợp, khai thác hiệu quả nhất nguồn tài nguyên của từng địa phương tránh vì cái lợi trước mắt mà khai thác kiệt quệ rừng.

Thứ ba, hỗ trợ nâng cao đời sống người dân: Đồng bào dân tộc cần được giải quyết vấn đề đất ở, đất sản xuất, hỗ trợ nhà ở; các chủ trương này cần gắn với với các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, chương trình định canh định cư, quy hoạch và tổ chức thực hiện các dự án ổn định vùng kinh tế mới để người dân có thu nhập từ sản xuất, sớm ổn định cuộc sống, giảm bớt sự lệ thuộc vào thu nhập từ các hoạt động khai thác rừng trái pháp luật...

Thứ tư, phát triển cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ phục vụ nghề rừng: Quy hoạch hệ thống hạ tầng, nhất là giao thông phục vụ bảo vệ và phát triển rừng. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; xác định cơ cấu giống cây, con phù hợp đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu từng vùng, tính chất từng loại rừng; đầu tư thích đáng cho công tác nghiên cứu, phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống cháy rừng.

3.2.4. Giải pháp về văn hóa - giáo dục

Hình thành ý thức pháp luật, tôn trọng và tự nguyện bảo vệ nguồn tài nguyên rừng trong cộng đồng dân cư là việc làm khó, đòi hỏi thời gian lâu dài. Trong công tác tuyên truyền cần xác định được những đối tượng làm hạt nhân - đầu mối để thực hiện. Đó chính là những già làng, trưởng bản, đội ngũ cán bộ xã, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số.

KẾT LUẬN

Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng từ sau Cách mạng tháng 8/1945 đến nay đã không ngừng phát triển, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn. Những quy phạm pháp luật hình sự về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng đã tổng kết thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng nói riêng, từng bước được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này và bám sát vào điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam.

Nghiên cứu việc áp dụng pháp luật hình sự năm 1999 đối với tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng cho thấy, về cơ bản các quy định của Bộ luật đã phản ánh được tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng, cần phải trừng trị. Các quy định đó đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng cho việc đấu tranh, xử lý những hành vi, đối tượng vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Bên cạnh đó, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng cũng đã bộ lộ một số hạn chế nhất định làm ảnh hưởng đến hoạt động áp dụng pháp luật hình sự về tội Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng. Đây là vấn đề cần được xem xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện trong thời gian tới.